

Số: 180/2024/QĐCNTTLH

Nghĩa Đàn, ngày 05 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC**  
**BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Lữ Thị M**

**Thị M** và anh **Trương Văn N**

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con của chị **Lữ Thị M**

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 10 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Chị **Lữ Thị M**, sinh năm 2003

Trú tại: **xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An**

- Anh **Trương Văn N**, sinh năm 2000.

Trú tại: **làng H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 10 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 10 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lữ Thị M** và anh **Trương Văn N**

- Về con chung: chị **Lữ Thị M** và anh **Trương Văn N** có một con chung là **Trương Thị Trà M1**, sinh ngày 06 tháng 04 năm 2020. Chị **M** và anh **N** thỏa thuận giao con chung là **Trương Thị Trà M1** cho chị **M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đã thành niên. Anh **N** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) thi hành kể từ tháng 11 năm 2024 cho đến khi con chung trưởng thành, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị **Lữ Thị M** về số tiền cấp dưỡng nuôi con, anh **N** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận ghi nhận trong quyết định này, trường hợp anh **N** chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh **N** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị **Lữ Thị M** và anh **Trương Văn N** tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: chị **Lữ Thị M** và anh **Trương Văn N** không phải chịu lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Nghĩa Đàn;
- THADS huyện Nghĩa Đàn;
- UBND xã Nghĩa L (nơi thực hiện ĐKKH)
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hương**